

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo tình hình tài chính	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 31

Handwritten red text and stamps on the right margin, including a circular stamp with the letters 'H' and 'C'.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**CÁC THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán lần đầu số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy phép số 10/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 02 năm 2015.
- Quyết định số 354/UBCK-GP ngày 11 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh nội dung giấy phép thành lập ban đầu.
- Giấy chứng nhận thành viên lưu ký lần đầu số 54/GCNTVLK ngày 15 tháng 02 năm 2007 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 04 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY****Quy mô vốn**

Vốn pháp định và vốn điều lệ theo Giấy phép do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần lượt là 35 tỷ đồng và 55 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn chủ sở hữu là 37.261.374.225 VND.

**Mục tiêu đầu tư**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

**Hạn chế đầu tư**

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Duy Đạo	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Huy	Thành viên
Bà Tạ Thị Phương Trang	Thành viên

Ông Hoàng Mạnh Tiến là Trưởng ban Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này.

Ông Nguyễn Thanh Nguyên Vũ là Giám đốc điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị



**Võ Duy Đạo**  
**Chủ tịch**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2017

Số: 17.121-1/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 04 năm 2017 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho báo cáo kiểm toán số 17.121/BCKT-RSM HCM ngày 28/03/2017 nhằm trình bày báo cáo tài chính cập nhật các sửa đổi, bổ sung hướng dẫn kế toán theo Thông tư 334/2016/TT-BTC ban hành ngày 27/12/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.1, việc phát hành lại báo cáo tài chính cập nhật các sửa đổi, bổ sung hướng dẫn kế toán theo Thông tư 334/2016/TT-BTC nêu trên chỉ làm thay đổi một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính ngày 31/12/2016 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016 mà không làm thay đổi tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động năm 2016 của Công ty đã được phát hành trước đây vào ngày 28/03/2017.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0425-2016-026-1

**Hồ Nam Đông**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
2657-2016-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

Địa chỉ: Số 15, Đường Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Mẫu số B 01 - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>32.743.953.446</b>	<b>33.720.761.690</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>32.633.972.149</b>	<b>33.624.823.693</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6.1	28.190.223.832	25.398.912.094
1.1. Tiền	111.1		678.223.832	20.370.958.521
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		27.512.000.000	5.027.953.573
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	6.3	2.907.000	2.907.000
3. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	6.3	2.650.000.000	2.650.000.000
4. Các khoản phải thu	117		278.000.239	-
4.1.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		278.000.239	-
5. Trả trước cho người bán	118	6.4	595.331.654	47.000.000
6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	6.5	6.070.785.295	10.690.785.295
7. Các khoản phải thu khác	122	6.6	755.501.204	743.996.379
8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	6.7	(5.908.777.075)	(5.908.777.075)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>109.981.297</b>	<b>95.937.997</b>
1. Tạm ứng	131		49.455.000	15.910.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		57.526.297	77.027.997
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		3.000.000	3.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>4.959.346.829</b>	<b>5.718.776.602</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.047.009.445</b>	<b>3.730.465.935</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.8	1.896.559.682	2.304.504.384
- Nguyên giá	222		5.272.530.525	5.397.130.525
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(3.375.970.843)	(3.092.626.141)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.9	1.150.449.763	1.425.961.551
- Nguyên giá	228		6.236.825.426	6.028.925.426
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(5.086.375.663)	(4.602.963.875)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>1.912.337.384</b>	<b>1.988.310.667</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		708.793.548	708.793.548
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		206.956.271	336.863.206
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	6.10	996.587.565	942.653.913
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>37.703.300.275</b>	<b>39.439.538.292</b>



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>441.926.050</b>	<b>1.180.602.930</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>441.926.050</b>	<b>1.180.602.930</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	320		16.000.000	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	94.370.776
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	6.11	200.248.465	661.678.560
4. Phải trả người lao động	323		15.012.414	-
5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	44.668.580
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		210.665.171	363.885.014
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	16.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>37.261.374.225</b>	<b>38.258.935.362</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	6.12.1	<b>37.261.374.225</b>	<b>38.258.935.362</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		55.000.000.000	55.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		55.000.000.000	55.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		(17.738.625.775)	(16.741.064.638)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(17.738.625.775)	(16.741.064.638)
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>37.703.300.275</b>	<b>39.439.538.292</b>



**Nguyễn Thanh Nguyên Vũ**  
 Giám đốc điều hành

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2017

Người lập

**Nguyễn Thị Tố Uyên**  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**Địa chỉ: Số 15, Đường Pasteur, Phường Nguyễn  
Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Mẫu số B 01 - CTCK**(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Ngoại tệ các loại	005	6.13	3,82	14,92
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		194	194
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	6.13	20.404.136	21.370.983
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		12.102.502	21.020.503
b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		8.301.524	-
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		110	350.480
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		100.003	
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		100.003	
3. Tiền gửi của khách hàng	026	6.13	1.449.049.098	1.282.344.978
3.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		1.148.412.745	1.014.251.424
3.2. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		300.636.353	268.093.554
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	6.13	1.253.660.198	1.118.887.526
5. Phải thu/phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034	6.13	13.361.150	13.361.150
6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	6.13	182.027.750	150.096.302

**Phê Duyệt****Nguyễn Thanh Nguyên Vũ**  
Giám đốc điều hành

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2017

**Người lập**
**Nguyễn Thị Tố Uyên**  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

Địa chỉ: Số 15, Đường Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Mẫu số 02 - CTCK**

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		26.141.500	25.000.000
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	6.14	26.076.000	-
b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL	01.3	6.14	65.500	25.000.000
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	6.14	1.361.598.191	210.405.606
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		-	46.187.646
1.4. Doanh thu môi giới chứng khoán	06	6.15	518.070.840	330.179.997
1.5. Doanh thu lưu ký chứng khoán	09	6.15	65.937.820	48.392.109
1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	6.15	4.555.454.546	9.208.778.182
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 --&gt; 11)</b>	<b>20</b>		<b>6.527.202.897</b>	<b>9.868.943.540</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		1.839.030.250	508.220.111
2.2. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		76.008.591	64.765.120
2.3. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		1.541.407.325	2.163.652.163
2.4. Chi phí các dịch vụ khác	32		66.875.091	450.185.420
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 --&gt; 33)</b>	<b>40</b>	6.16	<b>3.523.321.257</b>	<b>3.186.822.814</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	42		58.924.800	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 --&gt; 44)</b>	<b>50</b>		<b>58.924.800</b>	<b>-</b>
<b>IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	6.17	<b>4.144.028.940</b>	<b>5.250.244.282</b>
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>(1.081.222.500)</b>	<b>1.431.876.444</b>
<b>VI. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
6.1. Thu nhập khác	71		198.916.363	1.387.517.678
6.2. Chi phí khác	72		115.255.000	12.229.114
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)</b>	<b>80</b>		<b>83.661.363</b>	<b>1.375.288.564</b>
<b>VII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>(997.561.137)</b>	<b>2.807.165.008</b>
<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>(997.561.137)</b>	<b>2.807.165.008</b>
8.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	6.12.3	(181)	510
8.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	6.12.3	(181)	510



Nguyễn Thanh Nguyên Vũ  
Giám đốc điều hành

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Tố Uyên  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(997.561.137)	2.807.165.008
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		<b>864.548.490</b>	<b>1.023.084.063</b>
Khấu hao TSCĐ	03		776.101.490	1.023.234.163
Các khoản dự phòng	04		-	(150.100)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		88.447.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		<b>3.105.416.385</b>	<b>8.095.714.317</b>
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(278.000.239)	-
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		4.620.000.000	(5.523.000.000)
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(11.504.825)	10.004.470.385
Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(635.810.306)	2.746.643.076
Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(153.219.843)	319.885.014
Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		149.408.635	(175.897.593)
Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(78.370.776)	79.370.776
Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên	46		(44.668.580)	44.668.580
Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(461.430.095)	606.599.419
Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		15.012.414	(3.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(16.000.000)	(4.025.340)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>2.972.403.738</b>	<b>11.925.963.388</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(207.900.000)	(3.793.915.425)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		26.808.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>(181.092.000)</b>	<b>(3.793.915.425)</b>
<b>III. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	<b>90</b>		<b>2.791.311.738</b>	<b>8.132.047.963</b>
<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>		<b>25.398.912.094</b>	<b>17.266.864.131</b>
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	101.1		20.370.958.521	15.266.864.131
- Các khoản tương đương tiền	101.2		5.027.953.573	2.000.000.000
<b>V. Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>103</b>	6.1	<b>28.190.223.832</b>	<b>25.398.912.094</b>
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	103.1		678.223.832	20.370.958.521
- Các khoản tương đương tiền	103.2		27.512.000.000	5.027.953.573

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		347.527.558.794	249.378.889.318
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(347.294.916.854)	(256.205.220.489)
3. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(65.937.820)	(48.392.109)
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>1.282.344.978</b>	<b>8.108.676.149</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		1.282.344.978	8.108.676.149
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý Trong đó có kỳ hạn	32		1.014.251.424	7.817.957.167
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành Trong đó có kỳ hạn	35		268.093.554	290.718.982
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	<b>40</b>			
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41	6.13	<b>1.449.049.098</b>	<b>1.282.344.978</b>
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		1.148.412.745	1.014.251.424
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành Trong đó có kỳ hạn	45		300.636.353	268.093.554



Phê Duyệt

Nguyễn Thanh Nguyên Vũ  
 Giám đốc điều hành

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2017

Người lập

Nguyễn Thị Tố Uyên  
 Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**Địa chỉ: Số 15, Đường Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Mẫu số B 04 - CTCK**(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC  
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại ngày	Tại ngày	Năm trước		Năm nay		Tại ngày	Tại ngày
		01/01/2015	01/01/2016	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2015	31/12/2016
A	B	1	2	3	4	5	6	9	10
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		55.000.000.000	55.000.000.000					55.000.000.000	55.000.000.000
1.1. Vốn pháp định		35.000.000.000	35.000.000.000					35.000.000.000	35.000.000.000
1.2. Vốn bổ sung		20.000.000.000	20.000.000.000					20.000.000.000	20.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		(19.548.229.646)	(16.741.064.638)	2.807.165.008			(997.561.137)	(16.741.064.638)	(17.738.625.775)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện		(19.548.229.646)	(16.741.064.638)	2.807.165.008			(997.561.137)	(16.741.064.638)	(17.738.625.775)
<b>Tổng cộng</b>	6.12.1	<b>35.451.770.354</b>	<b>38.258.935.362</b>	<b>2.807.165.008</b>			<b>(997.561.137)</b>	<b>38.258.935.362</b>	<b>37.261.374.225</b>



**Nguyễn Thanh Nguyên Vũ**  
Giám đốc điều hành

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2017

Người lập

**Nguyễn Thị Tố Uyên**  
Kế toán trưởng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán lần đầu số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy phép số 10/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 02 năm 2015.
- Quyết định số 354/UBCK-GP ngày 11 tháng 10 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc điều chỉnh nội dung giấy phép thành lập ban đầu.
- Giấy chứng nhận thành viên lưu ký lần đầu số 54/GCNTVLK ngày 15 tháng 02 năm 2007 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 04 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 55 tỷ đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Trần Xuân Huy	Việt Nam	19.600.000.000	35,64	19.600.000.000	35,64
Ông Võ Duy Đạo	Việt Nam	14.700.000.000	26,73	14.700.000.000	26,73
Bà Tạ Thị Phương Trang	Việt Nam	14.700.000.000	26,73	14.700.000.000	26,73
Ông Đoàn Nguyên Thu	Việt Nam	6.000.000.000	10,91	6.000.000.000	10,91
<b>Cộng</b>		<b>55.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn pháp định và vốn điều lệ theo Giấy phép do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần lượt là 35 tỷ đồng và 55 tỷ đồng.

Công ty hoạt động theo Điều lệ Hoạt động Công ty Chứng khoán được ban hành ngày 27 tháng 04 năm 2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 14).

### 2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

#### 2.1. Quy mô vốn

Vốn pháp định và vốn điều lệ theo Giấy phép do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần lượt là 35 tỷ đồng và 55 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn chủ sở hữu là 37.261.374.225 VND.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 2.2. Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ;
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

### 3. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 3.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 3.2. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 3.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư Số 334/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2016 sửa đổi bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, Thông tư Số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **4.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam có liên quan và Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư Số 334/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2016 sửa đổi bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, Thông tư Số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **4.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

## **5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **5.1. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới**

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT/BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 334").

Công ty phát hành lại báo cáo tài chính cập nhật các sửa đổi, bổ sung hướng dẫn kế toán theo Thông tư 334/2016/TT-BTC nhằm thay thế cho báo cáo tài chính được trình bày theo Thông tư 210/2014/TT-BTC đã được phát hành ngày 28/03/2017. Việc phát hành lại báo cáo tài chính cập nhật các sửa đổi, bổ sung hướng dẫn kế toán theo Thông tư 334/2016/TT-BTC nêu trên chỉ làm thay đổi một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính ngày 31/12/2016 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016 mà không làm thay đổi tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động năm 2016 của Công ty đã được phát hành trước đây vào ngày 28/03/2017.

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 bao gồm:

- Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và ủy thác của khách hàng được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản;
- Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẽ sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay;
- Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 210 và Thông tư 334 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính, theo đó tất cả các tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu như sau:

- Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp ghi nhận theo giá thị trường phải tuân thủ quy định của Luật Kế toán hiện hành. Mọi khoản lãi hoặc lỗ

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động.

- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.

Do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

- Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Thông tư 210 và Thông tư 334 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 và Thông tư 334 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 6.21.

#### **5.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **5.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn của CTCK), tiền đang chuyển, tiền gửi của tổ chức phát hành và tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **5.4. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - + Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - + Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - + Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - + Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- + Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Khoản lỗ do suy giảm giá trị của các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện trên khoản mục "Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo thu nhập toàn diện ngay khi phát sinh.

**5.5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được tiếp tục ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng (nếu có).

**5.6. Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính**

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá tài sản tài chính, giá trị hợp lý là giá trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 5.7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 5.8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản cố định; công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định.

#### 5.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### **Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b>Năm 2016</b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 05 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

#### 5.10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

#### **5.11. Lợi ích của nhân viên**

##### ***Trợ cấp nghỉ hưu***

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

##### ***Bảo hiểm thất nghiệp***

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

#### **5.12. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **5.13. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **5.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào loại nhuận chưa thực hiện.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Theo Điều lệ của Công ty.

**5.15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

***Tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích đến ngày mua (được ghi giảm giá vốn chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

**5.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp*****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng:
  - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT;
  - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 5.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 5.18. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 5.19. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 6.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	13.843.763	13.843.763
Tiền gửi ngân hàng	664.380.069	20.357.114.758
Các khoản tương đương tiền	27.512.000.000	5.027.953.573
<b>Cộng</b>	<b>28.190.223.832</b>	<b>25.398.912.094</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

#### 6.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty chứng khoán Cổ phiếu	1.640	25.256.000
Của Nhà đầu tư Cổ phiếu	15.452.336	327.784.371.000
<b>Cộng</b>	<b>15.453.976</b>	<b>327.809.627.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.3. Các loại tài sản tài chính**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	1.458.060	1.303.370	1.458.060	1.303.370
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	411.800	92.800	411.800	92.800
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	866.670	742.670	866.670	742.670
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	128.860	41.060	128.860	41.060
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	664.900	291.400	664.900	291.400
Công ty Cổ phần HACISCO	66.700	32.400	66.700	32.400
Công ty Cổ phần Nam Việt	84.000	24.600	84.000	24.600
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	367.200	247.500	367.200	247.500
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia	61.200	40.400	61.200	40.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	143.200	90.800	143.200	90.800
<b>Cộng</b>	<b>4.252.590</b>	<b>2.907.000</b>	<b>4.252.590</b>	<b>2.907.000</b>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)				
Công ty CP Chế biến Thủy sản Út-xi (*)	2.650.000.000	2.650.000.000	2.650.000.000	2.650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.650.000.000</b>	<b>2.650.000.000</b>	<b>2.650.000.000</b>	<b>2.650.000.000</b>

(\*) Giá trị hợp lý chỉ được tính toán cho việc trình bày theo quy định tại Thông tư số 334/2016/TT-BTC và Thông tư số 210/2014/TT-BTC mà không được ghi nhận vào báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
Ứng trước cho Công ty TNHH MTV Giải Pháp phần mềm F&B	510.000.000	-
Ứng trước cho nhà cung cấp khác	85.331.654	47.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>595.331.654</u></b>	<b><u>47.000.000</u></b>

**6.5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp**

	<b>Tại ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
Phải thu ông Lê Mườì	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu khách hàng về phí giao dịch ký quỹ và giao dịch chứng khoán	2.441.774.295	2.441.774.295
Phải thu dịch vụ tư vấn	903.000.000	5.523.000.000
Phải thu khách hàng khác	226.011.000	226.011.000
<b>Cộng</b>	<b><u>6.070.785.295</u></b>	<b><u>10.690.785.295</u></b>

**6.6. Phải thu khác**

	<b>Tại ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2016 VND</b>
Phải thu khác về ứng tiền bán chứng khoán	740.991.779	740.991.779
Phải thu về bảo hiểm xã hội	14.509.425	3.004.600
<b>Cộng</b>	<b><u>755.501.204</u></b>	<b><u>743.996.379</u></b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**Địa chỉ: Số 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6.7. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

	Năm 2016				Năm 2015			
	VND				VND			
	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Ông Lê Mườì	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Phải thu khách hàng về phí giao dịch ký quỹ và giao dịch chứng khoán	2.441.774.296	-	-	2.441.774.296	2.441.774.296	-	-	2.441.774.296
Công ty CP Tấn Phát và ứng trước cho các cá nhân khác	226.011.000	-	-	226.011.000	226.011.000	-	-	226.011.000
Công nợ phải thu khác	740.991.779	-	-	740.991.779	740.991.779	-	-	740.991.779
				-				-
<b>Cộng</b>	<b>5.908.777.075</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.908.777.075</b>	<b>5.908.777.075</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.908.777.075</b>

(Xem trang tiếp sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	1.287.415.525	3.954.438.208	155.276.792	5.397.130.525
Thanh lý, nhượng bán	(124.600.000)	-	-	(124.600.000)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.162.815.525</b>	<b>3.954.438.208</b>	<b>155.276.792</b>	<b>5.272.530.525</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	75.099.239	3.006.893.519	10.633.383	3.092.626.141
	128.741.556	142.306.194		292.689.702
Khấu hao trong kỳ			21.641.952	
Thanh lý, nhượng bán	(9.345.000)	-	-	(9.345.000)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>194.495.795</b>	<b>3.149.199.713</b>	<b>32.275.335</b>	<b>3.375.970.843</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	1.212.316.286	947.544.689	144.643.409	2.304.504.384
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>968.319.730</b>	<b>805.238.495</b>	<b>123.001.457</b>	<b>1.896.559.682</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.882.215.100 VND.

**6.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	5.986.925.426	42.000.000	6.028.925.426
Mua trong năm	207.900.000	-	207.900.000
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>6.194.825.426</b>	<b>42.000.000</b>	<b>6.236.825.426</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	4.596.543.041	6.420.834	4.602.963.875
Khấu hao trong kỳ	475.011.788	8.400.000	483.411.788
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>5.071.554.829</b>	<b>14.820.834</b>	<b>5.086.375.663</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	1.390.382.385	35.579.166	1.425.961.551
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.123.270.597</b>	<b>27.179.166</b>	<b>1.150.449.763</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.248.435.341 VND.

**6.10. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 07 năm 2004, Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định số 17/QĐ-TTLK ngày 02 tháng 04 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền nộp ban đầu	942.653.913	889.931.429
Tiền lãi phân bổ	53.933.652	52.722.484
<b>Cộng</b>	<b>996.587.565</b>	<b>942.653.913</b>

**6.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ được khấu trừ VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	550.121.448	475.437.091	875.267.164	150.291.375
Thuế thu nhập cá nhân	111.557.112	383.573.876	445.173.898	49.957.090
<b>Cộng</b>	<b>661.678.560</b>	<b>859.010.967</b>	<b>1.320.441.062</b>	<b>200.248.465</b>

**6.12. Vốn chủ sở hữu**

**6.12.1. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	55.000.000.000	(19.548.229.646)	35.451.770.354
Lãi trong năm trước	-	2.807.165.008	2.807.165.008
Số dư tại ngày 01/01/2016	55.000.000.000	(16.741.064.638)	38.258.935.362
Lỗ trong năm nay	-	(997.561.137)	(997.561.137)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>(17.738.625.775)</b>	<b>37.261.374.225</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.12.2. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.500.000	5.500.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**6.12.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và thu nhập pha loãng trên cổ phiếu**

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(997.561.137)	2.807.165.008
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) để tính lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	(997.561.137)	2.807.165.008
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.500.000	5.500.000
<b>Lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên cổ phiếu</b>	<b>(181)</b>	<b>510</b>

**6.13. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính**

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	3,82	14,92
	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư:		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	12.102.502	21.020.503
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	8.301.524	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	110	350.480
<b>Cộng</b>	<b>20.404.136</b>	<b>350.480</b>
	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Tiền gửi của khách hàng:		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.148.412.745	1.014.251.424
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	300.636.353	268.093.554
<b>Cộng</b>	<b>1.449.049.098</b>	<b>1.282.344.978</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả Nhà đầu tư của CTCK:		
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.253.660.198	1.118.887.526
Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	13.361.150	13.361.150
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	182.027.750	150.096.302
<b>Cộng</b>	<b>1.449.049.098</b>	<b>1.282.344.978</b>
<b>6.14. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM</b>		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):		
Lãi bán các tài sản tài chính PVTPL	26.076.000	-
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL	65.500	25.000.000
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):		
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	1.361.598.191	210.405.606
<b>Cộng</b>	<b>1.387.739.691</b>	<b>235.405.606</b>
<b>6.15. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính</b>		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính	4.555.454.546	9.208.778.182
Doanh thu môi giới chứng khoán	518.070.840	330.179.997
Doanh thu hoạt động lưu ký	65.937.820	48.392.109
<b>Cộng</b>	<b>5.139.463.206</b>	<b>9.587.350.288</b>
<b>6.16. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ</b>		
	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	1.839.030.250	508.220.111
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.541.407.325	2.163.652.163
Chi phí lưu ký chứng khoán	76.008.591	64.765.120
Chi phí khác	66.875.091	450.185.420
<b>Cộng</b>	<b>3.523.321.257</b>	<b>3.186.822.814</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.17. Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.568.288.152	2.760.172.920
Chi phí đồ dùng văn phòng	149.497.805	84.552.625
Chi phí khấu hao	20.231.441	8.152.975
Thuế, phí và lệ phí	7.064.000	3.603.040
Chi phí thuê văn phòng	882.640.000	910.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.013.648.159	827.072.729
Chi phí bằng tiền khác	502.659.383	655.889.993
<b>Cộng</b>	<b><u>4.144.028.940</u></b>	<b><u>5.250.244.282</u></b>

**6.18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính, Công ty chưa có bằng chứng chắc chắn về việc sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để bù đắp các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ các năm trước đến năm tài chính này, do vậy, Công ty không tính và trình bày tài sản thuế hoãn lại và chi phí thuế hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ năm nay.

**6.19. Thông tin về các bên có liên quan**

Danh sách các bên liên quan

- Ông Võ Duy Đạo
- Ông Nguyễn Thanh Nguyên Vũ

Mối quan hệ

Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Giám đốc điều hành

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được chi tiết như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.249.170.000	1.198.062.000
Thu nhập của Giám đốc điều hành	130.449.000	80.004.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.379.619.000</u></b>	<b><u>1.278.066.000</u></b>

**6.20. Cam kết theo các hợp đồng thuê hợp đồng**

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 06 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	882.640.000	910.800.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Từ 1 năm trở xuống	844.800.000	844.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.196.480.000	3.043.594.521
<b>Cộng</b>	<b>3.041.280.000</b>	<b>3.888.394.521</b>

**6.21. Số liệu so sánh**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán:

Báo cáo tình hình tài chính (Trích):

		Tại ngày 01/01/2016 (Được báo cáo lại) VND	Tại ngày 01/01/2016 (Đã được báo cáo trước đây) VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(1)	25.398.912.094	26.681.257.072
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(1)	-	1.132.248.676
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	(1)	-	150.096.302
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)	(2)	2.907.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (**)	(2)	-	2.907.000
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (*)	(2)	2.650.000.000	-
Đầu tư chứng khoán dài hạn (**)	(2)	-	2.650.000.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)	(3)	10.690.785.295	-
Phải thu khách hàng (**)	(3)	-	8.249.011.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (**)	(3)	-	2.441.774.295
Tạm ứng (*)	(4)	15.910.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	(4)	3.000.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	(4)	708.793.548	-
Tài sản dài hạn khác	(4)	-	708.793.548
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên (*)	(5)	44.668.580	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	(5)	-	44.668.580

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Báo cáo kết quả hoạt động (Trích):

	Diễn giải	<b>Năm 2015</b> (Được báo cáo lại) <b>VND</b>	<b>Năm 2015</b> (Đã được báo cáo trước đây) <b>VND</b>
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính PVTPL (*)	(6)	25.000.000	-
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)	(6)	-	25.000.000
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (*)	(6)	210.405.606	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	(6)	46.187.646	-
Thu nhập hoạt động khác	(6)	-	256.593.252
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (*)	(7)	508.220.111	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán (*)	(7)	64.765.120	-
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính (*)	(7)	2.163.652.163	-
Chi phí các dịch vụ khác (*)	(7)	450.185.420	-
Chi phí hoạt động kinh doanh	(7)	-	3.186.822.814

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Diễn giải	<b>Năm 2015</b> (Được báo cáo lại) <b>VND</b>	<b>Năm 2015</b> (Đã được báo cáo trước đây) <b>VND</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)	(8)	(5.523.000.000)	-
Tăng, giảm các khoản phải thu khác	(8)	10.004.470.385	-
Tăng (giảm) các tài sản khác	(8)	2.746.643.076	-
Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) (*)	(8)	319.885.014	-
Tăng (giảm) phải trả cho người bán	(8)	79.370.776	-
Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên (*)	(8)	44.668.580	-
Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp nhà nước	(8)	606.599.419	-
Tăng (giảm) phải trả người lao động	(8)	(3.000.000)	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư (**)	(8)	-	(226.359.179)
Tăng (giảm) các khoản phải thu (**)	(8)	-	(2.771.886.539)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (**)	(8)	-	(5.450.052.421)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (**)	(8)	-	226.359.179
Tiền và tương đương tiền đầu năm	(1)	17.266.864.131	25.042.759.979
Tiền và tương đương tiền cuối năm	(1)	25.398.912.094	26.681.257.072

(\*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tài chính theo Thông tư 210 và Thông tư 334;

(\*\*) Các chỉ tiêu không còn được trình bày của Báo cáo tài chính theo Thông tư 210 và 334.

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa Thông tư 210, Thông tư 334 và Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

- (1) Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra khỏi chỉ tiêu "Tiền và Tương đương tiền" và theo dõi ngoài bảng theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334;
- (2) Phân loại lại các mục đầu tư theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334;
- (3) Phân loại lại các mục phải thu theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334;
- (4) Phân loại lại các mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334;
- (5) Phân loại lại các mục nợ phải trả theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334;
- (6) Phân loại lại các mục doanh thu theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334;
- (7) Phân loại lại các mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334;
- (8) Phân loại lại các chỉ tiêu mới và các chỉ tiêu không còn được trình bày của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334;

**7. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**Phê duyệt**



**Nguyễn Thanh Nguyên Vũ**  
Giám đốc điều hành  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2017

**Người lập**



**Nguyễn Thị Tố Uyên**  
Kế toán trưởng

# THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

## RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building  
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026  
F +848 3827 5027

Ha Noi Office  
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street  
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353  
F +844 3795 5252

Central Office  
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward  
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334  
F +84 511 363 3334

